

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ I
NHIỆM KỲ 2025-2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 diễn ra trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, diễn biến phức tạp, khó dự báo; cuộc cách mạng khoa học công nghệ, với vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI), mở ra nhiều cơ hội cho phát triển. Sau hơn 40 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế được nâng lên một tầm cao mới. Cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đã đạt được những kết quả mang tính đột phá. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được thúc đẩy mạnh mẽ; niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước được củng cố vững chắc.

Sau 35 năm tái lập và phát triển, hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, đột phá trên tất cả mọi lĩnh vực. Hai tỉnh hợp nhất là thời điểm mang tính lịch sử, mở ra không gian phát triển mới, quy mô rộng lớn, khả năng liên kết vùng mạnh mẽ với năng lực cạnh tranh cao. Với phương châm **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”**, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu **“Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế quốc tế, phát triển theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”**.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 với những thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen. Hai tỉnh Lào Cai, Yên Bái tiếp tục được thụ hưởng nhiều quyết sách lớn của Đảng, Nhà nước thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội; kết cấu hạ tầng địa phương có bước phát triển; văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đối ngoại được mở rộng; quốc phòng an ninh được giữ vững. Sau hợp nhất, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động bước đầu hiệu quả; Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc đoàn kết, chung sức, đồng lòng xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển. Tuy nhiên, Lào Cai, Yên Bái cùng với cả nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, bão số 3 (Yagi). Quy mô nền kinh tế còn nhỏ; tiềm năng, lợi thế chưa được khai thác hiệu quả; cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, đời sống của Nhân dân vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu đạt nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được chú trọng, có nhiều đổi mới, đi vào chiều sâu, hoạt động tuyên truyền đi vào thực chất. Với phương châm “Đi trước mở đường, đi cùng thực hiện, đi sau tổng kết”, cấp ủy các cấp có nhiều đổi mới trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Công tác quán triệt được tiến hành kịp thời, khoa học gắn với yêu cầu nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng được đa dạng hóa về hình thức, hiện đại hóa về phương tiện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số; 100% các cuộc thi, 75% các cuộc điều tra được thực hiện trên môi trường mạng. Đổi mới trong việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành

động mang tính chiến lược, bảo đảm đồng bộ, toàn diện, ngắn gọn, dễ áp dụng, dễ đánh giá. Công tác nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn được đẩy mạnh, đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý, nhất là sau 35 năm tái lập tỉnh gắn với 40 năm đổi mới của Đảng; xuất bản nhiều công trình, ấn phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn cao (30 năm Lào Cai sáng tạo); nhiều mô hình mới, cách làm sáng tạo như mô hình “Tuyên vận” của Lào Cai và “Chỉ số hạnh phúc” của Yên Bái được đánh giá cao và nhân rộng trong toàn tỉnh. Công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đạt được nhiều kết quả quan trọng; Trường Chính trị tỉnh Lào Cai là đơn vị đầu tiên trong cả nước được công nhận đạt chuẩn mức 1 và cơ bản hoàn thành các tiêu chí chuẩn mức 2. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc được triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời. Chủ động, linh hoạt trong điều tra, nghiên cứu, nắm bắt dư luận xã hội; nắm chắc tình hình, kịp thời định hướng báo chí, quản lý thông tin, góp phần tạo sự đồng thuận, đoàn kết thống nhất cao trong Đảng và toàn xã hội.

Xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức được đặc biệt coi trọng. Tỉnh uỷ Lào Cai ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU và Quy định 368-QĐ/TU cụ thể hóa Quy định 144-QĐ/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy định 16-QĐ/TU về thực hiện văn hoá, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khoá XI, XII và Kết luận 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 Khoá XIII; phát huy tinh thần “tự soi”, “tự sửa” và nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Kết quả 100% cán bộ đảng viên đăng ký nêu gương và thực hiện đúng, đủ, hiệu quả nội dung cam kết; nhiều mô hình mới, cách làm hay được nhân rộng tạo sự lan toả trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Công tác dân vận của hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực. Quán triệt tư tưởng “dân là gốc” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, giám sát và phản biện xã hội. Xây dựng và phát huy tốt vai trò của đội ngũ cán bộ cốt cán phong trào, người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo; tổ chức trên 2.700 hội nghị tiếp xúc, đối thoại để kịp thời lắng nghe, tháo gỡ vướng mắc, củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” trở thành hoạt động thường xuyên với 1.800 mô hình góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp đạt được nhiều kết quả mang tính đột phá. Hoàn thành hợp nhất tỉnh, giảm 24 cơ quan cấp sở, kết thúc hoạt động của 18/18 đơn vị hành chính cấp huyện; hợp nhất các xã, phường, thị trấn thành 99 xã, phường mới (giảm 220 xã, phường, thị trấn); sau sắp xếp, giảm 2.375 biên chế. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng được nâng lên. Công tác kết nạp, quản lý, rèn luyện, sàng lọc đảng viên được thực hiện thường xuyên; quan tâm phát triển đảng viên ở khu vực nông thôn, biên giới, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước; bình quân mỗi năm kết nạp trên 3% tổng số đảng viên hiện có, kết thúc nhiệm kỳ tỉ lệ đảng viên chiếm 6,7% dân số toàn tỉnh. Tỉ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân đạt trên 90%/năm. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ được quan tâm, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, đúng quy định; chủ động sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó giám đốc sở trở lên không giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp; Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra các cấp không là người địa phương. Xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số đáp ứng nhu cầu công tác cán bộ trước mắt và lâu dài. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được tăng cường, đạt kết quả tích cực, bảo đảm nguyên tắc “giám sát mở rộng”, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”, chuyển từ bị động sang chủ động, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác phức tạp, nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm, dư luận xã hội quan tâm; hạn chế tối đa việc chồng chéo về nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng giám sát thường xuyên; đẩy mạnh kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Trong nhiệm kỳ, đã kiểm tra 3.986 tổ chức đảng (bằng 117% so với nhiệm kỳ trước), 15.152 đảng viên (bằng 229% so với nhiệm kỳ trước); kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 13 tổ chức đảng và 85 đảng viên; kết luận có 07 tổ chức đảng và 52 đảng viên vi phạm, thi hành kỷ luật 04 tổ chức đảng, 22 đảng viên.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện thống nhất, chặt chẽ, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm. Triển khai hiệu quả công tác cải cách tư pháp. Công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc với tỉ lệ giải quyết đơn thư hằng năm đạt trên 90%.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị có nhiều đổi mới. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, “giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm” cho các cấp uỷ, tổ chức đảng gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy sự chủ động sáng tạo của cấp uỷ, cán bộ, đảng viên. Ban hành nghị quyết của Đảng kịp thời, đồng bộ, chất lượng với tầm nhìn dài hạn. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không ngừng được đổi mới theo hướng dân chủ, minh bạch, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả. nỗ lực thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Phát triển kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đạt 6,92%/năm, thấp hơn 0,41 điểm phần trăm so với giai đoạn trước, cao hơn 0,62 điểm phần trăm so với bình quân chung toàn quốc (6,3%/năm). Quy mô nền kinh tế đạt 142.599 tỷ đồng, gấp 1,63 lần so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (từ 19% xuống còn 16%), tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng (từ 34,9% lên 37,3%) và dịch vụ (từ 38,3% lên 39,2%). GRDP bình quân đầu người đạt trên 85 triệu đồng, tăng 29,9 triệu đồng so với năm 2020. Thu nhập bình quân đầu người đạt 47 triệu đồng, tăng 17,3 triệu đồng so với năm 2020.

Nông nghiệp chuyển dịch mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,76%/năm, cao hơn bình quân chung cả nước. Tư duy, phương thức sản xuất của người dân chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản đạt 82 triệu đồng, tăng 10 triệu đồng/ha so với năm 2020. Chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng hiện đại, mở rộng mô hình trang trại, cơ sở sản xuất tập trung theo chuỗi; phát triển thủy sản theo hướng mở rộng quy mô, đa dạng hóa hình thức nuôi trồng, nhiều sản phẩm đặc hữu như cá nước lạnh, ba ba gai,... đem lại giá trị kinh tế cao. Chất lượng, giá trị rừng và kinh tế lâm nghiệp được nâng lên; tỉ lệ che phủ rừng đạt 61,5%, tăng 1,8 điểm phần trăm so với năm 2020, thuộc nhóm 05 tỉnh cao nhất toàn quốc. Vùng sản xuất chủ lực của tỉnh đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh với quy mô lớn mang lại giá trị cao như: vùng trồng dâu 1.500 ha, vùng cây ăn quả 23.831 ha, vùng chè 16.046 ha, vùng quế 144.200 ha; dược liệu 8.875 ha,... nhiều sản phẩm được chế biến mang lại hiệu quả kinh tế cao, nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu.

Xây dựng nông thôn mới ngày càng thực chất, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, đồng lòng của người dân. Trước khi hợp nhất, hai tỉnh có 186 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 68,4% tổng số xã; diện mạo nông thôn ngày càng đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện.

Công nghiệp tiếp tục tăng trưởng, khẳng định vai trò trụ cột quan trọng của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,29%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 đạt trên 75.000 tỷ đồng, tăng 49,8% so với năm 2020, đóng góp 29,5% vào GRDP. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực, tỉ trọng công nghiệp chế biến tăng từ 73,34% lên 76,6%, công nghiệp khai thác giảm từ 7,38% xuống còn 5,5%. Tập trung thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến sâu gắn với ứng dụng công nghệ hiện đại trong khai thác, chế biến khoáng sản, sản phẩm nông, lâm nghiệp. Chú trọng quy hoạch, đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp (07 khu công nghiệp đi vào hoạt động với tỉ lệ lấp đầy trên 77%, 21 cụm công nghiệp với tỉ lệ lấp đầy trên 60%).

Thương mại, dịch vụ tăng trưởng tích cực. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,17%, tăng 2,03 điểm phần trăm so với giai đoạn trước. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội đạt 85.000 tỷ đồng, tăng gấp 1,89 lần so với năm 2020, nhiều mô hình thương mại mới ở khu vực thành thị và nông thôn đi vào hoạt động. Khu kinh tế cửa khẩu được nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mô hình cửa khẩu số hoạt động hiệu quả; tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 4,0 tỷ USD, cơ bản tương đương với giai đoạn trước khi chưa xảy ra dịch Covid -19, đưa Lào Cai trở thành cửa ngõ lớn thứ hai về thông quan các mặt hàng nông sản với thị trường Trung Quốc. Thị trường xuất khẩu được mở rộng, hiện nay các sản phẩm của tỉnh đã được xuất khẩu sang 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó có nhiều thị trường lớn, ổn định như: Mỹ, EU, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan... Hoạt động nhập khẩu chủ yếu tập trung vào các nhóm hàng máy móc, phân bón, phụ liệu may mặc,... phục vụ sản xuất của các doanh nghiệp; từ đó góp phần vào nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

Du lịch tăng trưởng bứt phá, từng bước khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Năm 2025, đón trên 10 triệu lượt khách; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 46.455 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so năm 2020. Các loại hình, sản phẩm du lịch của tỉnh như tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch văn hoá, lễ hội truyền thống có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Khu du lịch Quốc gia Sa Pa được đầu tư, thu hút nhiều dự án lớn về hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ. Tiềm năng thiên nhiên, bản sắc văn hóa của các dân tộc tại Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Nghĩa Lộ, Bắc Hà, Y Tý, Nghĩa Đô... tăng sức hút và tính cạnh tranh của ngành du lịch địa phương.

Tài chính, tín dụng tăng trưởng khá, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 21.000 tỷ đồng, vượt cao so với dự toán Trung ương giao, gấp 1,64 lần so với năm 2020, đáp ứng 52% chi ngân sách. Cơ cấu lại ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, tăng tỉ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỉ trọng chi thường xuyên. Số lượng, quy mô và thị trường hoạt động của các tổ chức tín dụng tiếp tục được mở rộng; nguồn vốn huy động các ngân hàng đạt gần 100.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng các năm từ 10-15%; dư nợ tín dụng đạt trên 125.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm từ 10-14%, tiệm cận với mức tăng trưởng tín dụng của cả nước. Tỉ lệ nợ xấu ở mức an toàn dưới 3%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cả giai đoạn đạt trên 360.000 tỷ đồng, gấp 2,2 lần so giai đoạn 2016-2020.

Các thành phần kinh tế phát triển đa dạng. Doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục được sắp xếp, hoạt động hiệu quả; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động ổn định; kinh tế tư nhân phát triển khá; kinh tế tập thể được quan tâm hỗ trợ phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động. Ký kết và thu hút được nhiều dự án của các tập đoàn, nhà đầu tư chiến lược, các dự án ứng dụng công nghệ cao, chế biến sâu, công nghiệp phụ trợ,... bảo đảm phát triển theo hướng xanh, bền vững. Toàn tỉnh hiện có khoảng 12.500 doanh nghiệp, trong đó có trên 6.800 doanh nghiệp đang hoạt động, gấp 1,5 lần so với năm 2020.

Việc thực hiện các đột phá chiến lược, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đạt được nhiều kết quả nổi bật; chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện; công tác quy hoạch được triển khai đồng bộ. Nhiều dự án trọng điểm đang đẩy mạnh triển khai: Cảng hàng không Sa Pa, đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, cầu biên giới qua sông Hồng, đường điện 500KV Lào Cai - Vĩnh Yên; hoàn thành đầu tư nâng cấp, cải tạo 355 km quốc lộ, 650 km đường tỉnh, nâng cấp, cải tạo, cứng hoá 3.820 km đường liên xã, đường giao thông nông thôn góp phần đẩy nhanh liên kết nội tỉnh cũng như kết nối với các tỉnh trong vùng. Hoàn thành các đề án và phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch kết nối. Tỉ lệ đô thị hóa đạt 31,5%, tăng 8,4% so với năm 2020; triển khai nhiều dự án nhà ở xã hội, đến hết năm 2025 hoàn thành 2.036 căn nhà ở xã hội.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Công tác quản lý đất đai được tăng cường, hạn chế các vi phạm trong quá trình quản lý, sử dụng đất đai. Khoáng sản, tài nguyên nước được quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả. Hạ tầng về bảo vệ môi trường tại các khu

công nghiệp và các đô thị từng bước được đầu tư đồng bộ; kiểm tra, giám sát và chỉ đạo khắc phục kịp thời sự cố môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý tại đô thị đạt trên 95,3%, tại nông thôn đạt 75,5%; tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt trên 37%. Năng lực cảnh báo được nâng cao, chủ động trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại.

3. Phát triển văn hóa, xã hội và con người có nhiều tiến bộ

Văn hóa, thể thao, truyền thông đạt nhiều kết quả quan trọng, giá trị và sức mạnh văn hóa, con người được phát huy. Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*” được tập trung xây dựng và từng bước hình thành, được thể hiện rõ nét qua tinh thần đùm bọc, yêu thương, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn cùng vượt qua thiên tai, dịch bệnh, thi đua quyết tâm giảm nghèo, xóa nhà tạm, nhà dột nát. Toàn tỉnh có 65 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 04 di sản được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; 01 di tích quốc gia đặc biệt, 34 di tích quốc gia, 172 di tích cấp tỉnh. Tỷ lệ hộ gia đình, thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa lần lượt là 85,5% và 77,5%. Tỷ lệ cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa 77,5%. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm xây dựng, phát huy hiệu quả. Phong trào thể dục thể thao quần chúng gắn với hoạt động lễ hội truyền thống được đẩy mạnh; thể thao thành tích cao được phát triển đúng hướng, đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Tỷ lệ người dân luyện tập thể dục thể thao thường xuyên 39,5%; tổ chức nhiều giải thể thao quốc tế như giải đua xe đạp “Một đường đua 2 quốc gia”, giải Bóng chuyền nữ quốc tế VTV cup. Báo chí, truyền thông có nhiều đổi mới, ngày càng chủ động, linh hoạt trong thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội, góp phần lan tỏa thông tin tích cực, chính thống, xây dựng hình ảnh địa phương đổi mới, năng động, thân thiện, hấp dẫn trong mắt Nhân dân và bạn bè quốc tế.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đạt được nhiều kết quả quan trọng. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, cơ sở vật chất trường lớp được tăng cường đầu tư theo hướng hiện đại, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng từ 58,9% năm 2020 lên 75,6% năm 2025; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 86% tổng số phòng học; tỷ lệ phòng ở học sinh nội trú/bán trú đạt 45,67%. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Chất lượng giáo dục nghề nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội. Phổ cập giáo dục là điểm sáng của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, là địa phương đầu tiên trên cả nước thí điểm triển khai và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi. Phong trào

khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh; thực hiện miễn học phí cho học sinh toàn tỉnh từ năm học 2024 - 2025.

Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 64% lên trên 70%, trong đó tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ đạt 25,3%; năng suất lao động xã hội tăng bình quân trên 6%/năm. Quan tâm hỗ trợ giải quyết việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có nhiều tiến bộ. Nhiều đề tài, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, y tế được thực hiện thành công và ứng dụng vào thực tiễn, đạt kết quả tích cực. Một số mô hình mới được triển khai thực hiện hiệu quả như: Nhật ký điện tử trong canh tác, truy xuất nguồn gốc bằng mã QR, bán nông sản qua sàn thương mại điện tử, hệ thống cảnh báo cháy rừng bằng viễn thám, tưới tiêu tự động,... đã giúp nâng cao năng suất, minh bạch hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập cho người dân. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai rộng rãi, đến nay cơ bản người dân được phổ cập về kỹ năng số. Nhân lực số được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Hạ tầng số được quan tâm đầu tư góp phần thúc đẩy phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chính quyền số đạt được kết quả quan trọng; kinh tế số chiếm khoảng 7% GRDP.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt kết quả tích cực. Cơ sở vật chất, thiết bị y tế được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, phòng chống dịch bệnh, khống chế thành công đại dịch Covid-19. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập. Toàn tỉnh có 02 bệnh viện xếp hạng I, 19 bệnh viện và trung tâm y tế có giường bệnh xếp hạng II, 315 xã, phường, thị trấn (trước hợp nhất) đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 98,7%; số bác sĩ/vạn dân đạt 12,8; số giường bệnh/vạn dân đạt 38,1; nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến được triển khai. Tuổi thọ trung bình đạt 72 tuổi. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương để đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ y, bác sĩ, nâng cao hiệu quả công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân.

An sinh, phúc lợi xã hội được bảo đảm; giảm nghèo nhanh và bền vững, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Các chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công tiếp tục được triển khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định. Hỗ trợ xây dựng được 12.915 căn nhà theo Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát và hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, người có công, hoàn thành 100% kế hoạch và về đích sớm 6 tháng so Trung ương giao; 100% hộ nghèo, đối tượng bảo trợ

xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế; tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 96%, cao hơn bình quân chung cả nước. Tỉ lệ giảm hộ nghèo bình quân đạt 4%/năm; đến nay, tỉ lệ hộ nghèo còn lại 5,71%. Kinh tế - xã hội vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều tiến bộ, từng bước rút ngắn khoảng cách giữa vùng thấp và vùng cao. Là tỉnh đầu tiên và duy nhất trong cả nước xây dựng và triển khai Chỉ số hạnh phúc với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, đến nay chỉ số hạnh phúc đạt 68,3%.

4. Quốc phòng - an ninh được củng cố và giữ vững. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng thực chất, đạt nhiều kết quả tích cực

Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân và khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, phục vụ hiệu quả công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; hoàn thành đưa Công an chính quy về xã và xây dựng trụ sở Công an xã. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh. An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia được giữ vững, trong nhiệm kỳ 79 xã được đưa ra khỏi danh sách trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, đạt 100% kế hoạch, góp phần bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

Hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân được triển khai đồng bộ, ngày càng thực chất, đi vào chiều sâu và có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng, nâng tầm vị thế địa phương; nhiều hoạt động đã trở thành thường niên của tỉnh và khu vực. Mọi quan hệ với các đối tác truyền thống trong nước và ngoài nước, đặc biệt là với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, đại sứ quán các nước tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các định chế tài chính lớn trên thế giới ngày càng sâu sắc, tin cậy. Chủ động tìm kiếm, mở rộng thêm các đối tác mới nhằm tạo thêm không gian phát triển cho địa phương. Phát huy tối đa lợi thế của tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh bạn; tinh thần đoàn

kết, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc Lào Cai đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nhất là trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt “kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp”, luôn đặt ra mục tiêu cao để tạo áp lực tích cực thúc đẩy phát triển. Công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch được thực hiện đồng bộ, đặt mục tiêu phát triển của tỉnh trong sự phát triển của Vùng và cả nước. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư tạo hiệu ứng lan tỏa, tăng sức hút đối với các nhà đầu tư khác, đặc biệt là doanh nghiệp vệ tinh và doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng ở các lĩnh vực công nghiệp chế biến, hạ tầng đô thị, du lịch, xuất nhập khẩu. Phát huy hiệu quả của đối ngoại và hợp tác quốc tế, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên, vượt qua mọi khó khăn, thách thức “biến nguy thành cơ”, “biến khó thành dễ”, “biến không thể thành có thể” góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM, NGUYÊN NHÂN

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Phát triển tổ chức cơ sở đảng ở một số doanh nghiệp tư nhân còn hạn chế. Vai trò hạt nhân lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở đảng chưa rõ nét trong giải quyết những khó khăn, bức xúc của Nhân dân ở cơ sở; nội dung, hình thức sinh hoạt ở một số loại hình chi bộ chưa có nhiều đổi mới. Công tác kiểm tra dấu hiệu vi phạm còn hạn chế; việc theo dõi đánh giá kết luận sau kiểm tra, giám sát có nơi chưa được thường xuyên; cá biệt có trường hợp cán bộ, lãnh đạo vi phạm phải xử lý kỷ luật. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có mặt chưa hiệu quả. Hoạt động của chính quyền còn một số bất cập, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa đổi mới mạnh mẽ. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chất lượng có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường: Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững; quy mô nền kinh tế còn nhỏ. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Cơ cấu lại ngành công nghiệp còn chậm, sản xuất công nghiệp còn nhiều khó khăn. Khu kinh tế cửa khẩu, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Thu hút đầu tư còn hạn chế. Triển khai một số dự án lớn trên địa bàn tỉnh còn chậm. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trên tổng số doanh nghiệp chưa cao, thiếu các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiềm lực mạnh để chủ đạo, tiên phong trong đổi mới, sáng tạo; quy mô, hiệu quả kinh

doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình chưa tương xứng với tiềm năng. Tỷ trọng thương mại điện tử thấp; chưa thu hút được doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính, lắp ráp, chế tạo máy tự động; chỉ tiêu công về khoa học công nghệ, chuyển đổi số thấp; chuyển đổi số trong doanh nghiệp còn hạn chế. Quản lý, khai thác khoáng sản chưa chặt chẽ.

3. Phát triển văn hoá, xã hội, con người: Chất lượng giáo dục toàn diện có mặt còn hạn chế; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn chưa thực sự hiệu quả; việc liên kết đào tạo nghề theo địa chỉ và đào tạo nghề chất lượng cao có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân ở tuyến cơ sở còn nhiều bất cập, tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn cao. Giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, đời sống của một bộ phận người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; chênh lệch khoảng cách giàu - nghèo có xu hướng tăng.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Việc nắm tình hình, xử lý một số vụ việc phát sinh có nơi, có lúc chưa hiệu quả; công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật còn có mặt hạn chế.

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém:

Nguyên nhân khách quan: Những tác động khó lường, kéo dài của đại dịch Covid-19; suy giảm kinh tế toàn cầu và những tác động cực đoan của biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của tỉnh, đặc biệt là cơn bão số 3 (Yagi) gây ra tác động kép đến nền kinh tế. Một số luật, cơ chế chính sách, quy định, thủ tục hành chính còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ. Xuất phát điểm thấp, địa hình chia cắt, xa các trung tâm kinh tế lớn. Việc triển khai các dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, kết nối qua biên giới phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên ngoài. Sự chống phá của các thế lực thù địch tiềm ẩn về mất an ninh trật tự trên một số lĩnh vực, địa bàn; tội phạm công nghệ cao có chiều hướng gia tăng.

Nguyên nhân chủ quan: Những khó khăn vốn có của tỉnh miền núi, biên giới chưa được khắc phục; năng lực nội tại, khả năng chống chịu, thích ứng với các tác động bên ngoài gặp nhiều khó khăn. Công tác dự tính, dự báo tình hình còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và lãnh đạo một số cơ quan, tổ chức, người đứng đầu còn hạn chế; năng lực cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Kỷ cương, kỷ luật hành chính có nơi chưa nghiêm, một số cán bộ có biểu hiện sợ sai, sợ vi phạm, né tránh, đùn đẩy trách

nhiệm trong công vụ; cá biệt có trường hợp thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu trách nhiệm, vi phạm quy định, pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Lào Cai có nhiều đổi mới, từng bước trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc, khẳng định vị thế là tỉnh phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ; Yên Bái vươn lên trở thành tỉnh khá của Vùng với mục tiêu phát triển “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”. Kinh tế của Lào Cai phát triển khá toàn diện, thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; gìn giữ và phát huy hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc; giảm nghèo nhanh và bền vững; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai hiệu quả. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên được nâng lên.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Giữ vững các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; phát huy dân chủ, đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên trong cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cấp cơ sở đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, gần dân, sát dân, vì dân.

Hai là, nắm chắc và dự báo đúng tình hình, luôn bám sát thực tiễn, xác định hướng đi phù hợp, sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời lựa chọn các lĩnh vực trọng tâm, địa bàn trọng điểm đề ra các chủ trương, nghị quyết, chính sách kịp thời tạo động lực cho phát triển. Coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Luôn đặt sự phát triển của tỉnh trong mối quan hệ, liên kết với vùng, cả nước và khu vực, quốc tế.

Ba là, tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương. Đặt ra mục tiêu cao để tạo áp lực tích cực và phấn đấu trong quá trình thực hiện. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều

hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

Bốn là, chủ động, tích cực khai thác tối đa lợi thế nổi trội của địa phương trong hoạt động đối ngoại với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển, mở ra cơ hội chưa từng có, tạo nguồn lực và không gian phát triển kinh tế quốc tế rộng lớn.

Năm là, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền, lợi ích chính đáng của người dân. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân, của doanh nghiệp làm thước đo đánh giá cán bộ, chính sách và hiệu quả thực hiện.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Giai đoạn tới, cục diện thế giới có sự chuyển biến nhanh, phức tạp theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng và phân tuyến mạnh. Hoà bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế căn bản; toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và liên kết kinh tế tiến triển nhanh, cạnh tranh thương mại diễn ra gay gắt; cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư phát triển mạnh mẽ vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức cho các quốc gia. Quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Trung Quốc nói chung, giữa Lào Cai và Vân Nam nói riêng tiếp tục phát triển, tin cậy và mở rộng hợp tác, đặc biệt là việc kết nối đường sắt tốc độ cao, phát triển cửa khẩu thông minh sẽ thúc đẩy hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch; đây là cơ hội để Lào Cai tăng cường hợp tác kinh tế, thu hút FDI và gia tăng xuất khẩu vào thị trường Vân Nam và khu vực Tây Nam - Trung Quốc.

Đất nước sau 40 năm đổi mới có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên. Những quyết sách lớn của Trung ương, nhất là cải cách thể chế, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, đối ngoại và hợp tác quốc tế là cơ hội, động lực tăng trưởng mới cho Lào Cai phát triển. Hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái hợp nhất tạo không gian phát triển mới, quy mô rộng lớn, năng lực cạnh tranh cao và khả năng liên kết vùng mạnh mẽ.

Tuy nhiên, Lào Cai còn nhiều khó khăn, quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, hạ tầng chưa đồng bộ, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; đời sống của một bộ phận người dân ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới còn khó khăn. Việc sắp xếp lại bộ máy cần thời gian ổn định và phát huy hiệu quả; bên cạnh đó chênh lệch phát triển giữa các khu vực đặt ra yêu cầu điều phối nguồn lực hợp lý và bảo đảm dịch vụ công đồng đều. Bối cảnh đó đòi hỏi toàn Đảng bộ phát huy trí tuệ, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, biến khó khăn thành động lực, thách thức thành cơ hội, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới, tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên giàu mạnh, văn minh và thịnh vượng của dân tộc.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

(1) Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, liêm chính, hành động, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có năng lực, tận tụy, vì Nhân dân phục vụ.

(2) Bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, nhất là các quyết sách lớn, chiến lược của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; xây dựng và hoàn thiện thể chế, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới; khơi thông, giải phóng sức sản xuất, nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tạo đột phá xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc” gắn với mục tiêu “Giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường”.

(3) Luôn đặt sự phát triển của tỉnh trong sự phát triển chung của Vùng, của cả nước, làm tốt vai trò là cầu nối quốc tế. Phối hợp với các tỉnh khai thác tối đa hiệu quả tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Tập trung phát triển trục động lực sông Hồng kết nối với Vùng Thủ đô và các tỉnh lân cận, trên cơ sở gắn kết hạ tầng, đô thị, công nghiệp, văn hóa, du lịch; coi đây là không gian phát triển chiến lược, góp phần hiện thực hóa khát vọng “kỳ tích sông Hồng” tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Vùng và cả nước.

(4) Lấy con người là trung tâm, là động lực, là mục tiêu phát triển. Thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Khơi dậy

mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng cống hiến; phát huy sức mạnh văn hóa, con người Lào Cai thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Chăm lo cho khu vực đồng bào dân tộc, biên giới, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc của người dân trên các trụ cột: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm và thu nhập.

(5) Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và “thế trận lòng dân” vững chắc. Giữ vững tuyệt đối an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tăng cường đối ngoại, đi vào chiều sâu, thực chất, xây dựng đường biên giới hòa bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới, tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc” gắn với mục tiêu “Giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường”.

Đến năm 2045, Lào Cai trở thành trung tâm phát triển phía Bắc của cả nước; là trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc và Châu Âu. Hiện thực hoá mục tiêu phát triển “xanh, hài hoà, bản sắc, hạnh phúc”.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành đến năm 2030 trên 240 ngàn tỷ đồng; cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 12,4%; công nghiệp - xây dựng 43,5%; dịch vụ 37,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,6%.

(2) Phần đầu đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên.

(3) Đến năm 2030 GRDP bình quân đầu người đạt 136 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 70 triệu đồng.

(4) Phần đầu đến năm 2030 tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 20%.

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 32.000 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm đạt trên 500.000 tỷ đồng.

(7) Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 38%.

(8) Đến năm 2030 số khách du lịch đến địa bàn đạt trên 15 triệu lượt người, doanh thu du lịch đạt 70.000 tỷ đồng.

(9) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 12%/năm.

(10) Đến năm 2030, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn đạt 10 tỷ USD.

(11) Phần đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 18.000 doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 60%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP đạt trên 72%.

(12) Tốc độ tăng năng suất lao động tăng bình quân trên 6,5%/năm.

2.2. Về xã hội:

(13) Đến năm 2030 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khỏe mạnh phần đầu đạt 68 năm.

(14) Chỉ số hạnh phúc của người dân đến năm 2030 đạt 72%.

(15) Đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 42%.

(16) Đến năm 2030 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số 100%; số bác sĩ trên một vạn dân đạt 15,5 bác sĩ, trong đó đến năm 2027 có tối thiểu 4-5 bác sĩ/trạm y tế; số giường bệnh trên một vạn dân đạt 45 giường bệnh.

(17) Đến năm 2030 tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 85%; 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mẫu giáo cho trẻ 3 tuổi.

(18) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 2,5-3 điểm %/năm.

(19) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đến năm 2030 đạt 50%.

2.3. Chỉ tiêu về môi trường đến năm 2030

(20) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 60%.

(21) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 95%; tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

(22) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.

(23) Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(24) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.

2.4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(25) Hằng năm có trên 90% đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, chính quyền tỉnh, xã, phường hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Kết nạp đảng viên từ 2,5-3% tổng số đảng viên/năm.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(1) Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và vận hành hiệu quả tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp. Tăng cường phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tạo lập không gian phát triển mới của chính quyền cấp xã gắn với bảo đảm nguồn lực theo phương châm: Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, có tư duy phát triển, tính tự giác và mục tiêu phấn đấu cao, ngang tầm nhiệm vụ, năng động, sáng tạo, luôn có tinh thần cống hiến, chăm chỉ làm việc, tích cực suy nghĩ, thực sự cầu thị, gần dân, sát dân, vì dân; ưu tiên cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

(2) Tập trung ưu tiên phát triển kinh tế trong đó trọng tâm là xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng; hình thành *Một trục động lực*; khai thác hiệu quả *Hai cực phát triển*; tạo động lực mới, cân đối, bổ trợ, hài hòa *Ba vùng kinh tế*; tập trung tái cơ cấu nội ngành theo hướng gia tăng giá trị, phát triển bền vững *Bốn trụ cột phát triển*.

(3) Tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm tiến bộ, công bằng, an sinh, phúc lợi xã hội, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới trên cơ sở các trụ cột: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm và thu nhập hướng đến mục tiêu phát triển “xanh, hài hoà, bản sắc, hạnh phúc”.

(4) Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên. Nâng cao dân trí, chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai với các đặc tính cơ bản của con người Việt Nam, mang đặc trưng của miền đất biên cương của Tổ quốc “Đoàn kết - Yêu nước - Kỷ cương - Văn minh - Hiếu khách”.

(5) Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, tạo ổn định để phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Tăng cường đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển.

V. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách phát triển, khơi thông, giải phóng, huy động mọi nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển 4 trụ cột kinh tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội thu hút các nhà đầu tư chiến lược thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ, kiến tạo phát triển. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền, trao quyền cho cấp cơ sở và người đứng đầu nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo hướng địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm. Tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi nhất cho doanh nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới với phương châm “Doanh nghiệp phát tài, Lào Cai phát triển”.

(2) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, cán bộ cấp xã có chuyên môn, kỹ năng, tư duy, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thu hút, tạo đột phá về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực lao động khu vực ngoài quốc doanh; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân lớn mạnh trong sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ; thu hút chuyên gia, nhà khoa học phục vụ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực Lào Cai có lợi thế.

(3) Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại, có tính liên kết; trọng tâm là xây dựng hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và quốc tế, đa phương thức, phát triển hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, Khu hợp tác kinh tế tự do biên giới, trung tâm logistics hiện đại, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch, chuỗi đô thị dọc trục động lực Sông Hồng và hạ tầng công nghệ phục vụ cho quản lý, quản trị phát triển kinh tế -

xã hội bền vững, chuyển đổi số, phát triển xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(1) Xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả

Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới, các quyết sách lớn của Trung ương phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạch định đường lối, chính sách và cụ thể hóa việc tổ chức việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Thường xuyên bồi dưỡng, hướng dẫn, kiểm tra cán bộ, đảng viên nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận. Đổi mới mạnh mẽ việc quán triệt và ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của Đảng theo hướng sát thực tiễn, ngắn gọn, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đánh giá. Đẩy mạnh hoạt động của Ban tuyên vận, Tổ tuyên vận và “Người bản số” để chủ động cung cấp thông tin, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, theo dõi, phân tích dư luận xã hội. Làm tốt công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, giáo dục truyền thống lịch sử, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Hoàn thành các tiêu chí Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2.

Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, Quy định số 18-QĐ/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác học tập, rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; đẩy mạnh giáo dục cần, kiệm, liêm, chính trong hệ thống chính trị gắn với phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh theo hướng tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức; phân cấp quản lý tổ chức bộ máy theo hướng phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm bảo đảm sự quản lý thống nhất từ tỉnh đến cơ sở theo nguyên tắc “một việc - một cấp chịu trách nhiệm chính”.

Vận hành hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới, bảo đảm thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành. Xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch theo hướng gần dân, sát dân, nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở thực sự là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân. Thề chế hóa, cụ thể hóa thẩm quyền, trách nhiệm, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác giữa tập thể, cá nhân, người đứng đầu bảo đảm đúng nguyên tắc, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ gắn với thực hiện “chi bộ 4 tốt”. Chú trọng xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân, khu vực biên giới; coi trọng phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng. Kiên quyết sàng lọc, loại bỏ những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, cơ hội, quan liêu tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút cán bộ có đức, có tài, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, dám hành động vì lợi ích chung; bảo đảm nguyên tắc “có ra, có vào, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ. Thực hiện tốt chủ trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương và thực tiễn của địa phương; tạo nguồn, đào tạo cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số. Làm tốt công tác bảo vệ cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Đổi mới phương pháp, kỹ năng kiểm tra, giám sát; chuyển trọng tâm công tác kiểm tra, giám sát sang giám sát thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính; chú trọng kiểm tra, giám sát ở những địa bàn, lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xử lý kỷ luật bảo đảm nghiêm minh, chính

xác. Phát hiện, nhân rộng những cách làm hiệu quả; chủ động nắm chắc tình hình để phòng ngừa, cảnh báo, phát hiện, ngăn chặn vi phạm từ sớm, từ xa. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước thực hiện kiểm tra, giám sát trên nền tảng dữ liệu số. Phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa kiểm tra, giám sát của cấp ủy với thanh tra, kiểm toán nhà nước và hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

Đẩy mạnh công tác nội chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Triển khai hiệu quả các nhóm giải pháp nhằm cụ thể hóa và thực hiện phương châm 04 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ động phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hiện công tác tự kiểm tra, thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục, xử lý nghiêm các sai phạm theo thẩm quyền. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong xử lý những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận hướng mạnh về cơ sở, thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, lắng nghe, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Tăng cường vai trò, nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện xã hội thực chất, hiệu quả. Phát huy vai trò chủ thể, trách nhiệm của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; xây dựng lực lượng công nhân đáp ứng

yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát huy vai trò công đoàn đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; phát triển đội ngũ doanh nhân đông đảo, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao; bồi dưỡng, giáo dục và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ, tạo điều kiện cho thanh niên học tập, phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành; nâng cao vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển, đồng thời là nòng cốt xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, tiến bộ; cựu chiến binh phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” tích cực tham gia xây dựng quê hương, bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục thế hệ trẻ. Tiếp tục sắp xếp tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hoạt động của các hội quần chúng góp phần củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; củng cố, xây dựng chính quyền các cấp liên chính, hành động, sát dân, trọng dân. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu. Ban hành nghị quyết ngắn gọn, thiết thực, trọng tâm, trọng điểm, theo hướng hành động để thực hiện, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, sâu sát, kịp thời, hiệu quả của cấp ủy; khắc phục tình trạng áp đặt, buông lỏng hoặc bao biện, làm thay. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm, khuyến khích tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải trình. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Hoàn thiện cơ chế, quy định về phân cấp, phân quyền công khai, minh bạch, hiệu quả, thông suốt trong điều hành và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng nền hành chính phục vụ và kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và

dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

(2) Xây dựng đồng bộ và tổ chức hiệu quả cơ chế, chính sách, tạo đột phá về hành lang pháp lý, phát huy hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững. Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, động lực, nguồn lực cho phát triển. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy xúc tiến đầu tư, có cơ chế nổi trội về thủ tục hành chính, tạo mặt bằng theo hướng chủ đạo và chuyên trách ở cấp tỉnh, chủ động vào cuộc từ cấp xã nhằm thu hút đầu tư phát triển cả bốn trụ cột, thu hút được các nhà đầu tư lớn, tạo đột phá cho tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định; cắt giảm triệt để điều kiện và thủ tục đầu tư, sản xuất kinh doanh, nhất là các thủ tục hành chính trong tiếp cận nguồn lực, thị trường, cơ hội kinh doanh.

(3) Tập trung ưu tiên phát triển kinh tế, tăng năng suất lao động gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể toàn bộ mạng lưới đô thị, hoàn thành quy hoạch dọc Sông Hồng, các quy hoạch khu du lịch quốc gia, quy hoạch các khu di tích lịch sử, danh thắng quốc gia. Tập trung quy hoạch và phát triển kinh tế với: *Một trục động lực* (dọc sông Hồng), *Hai cực phát triển* (cực Bắc, cực Nam); *Ba vùng kinh tế* (vùng phía Đông, vùng phía Tây, vùng Trung tâm); *Bốn trụ cột phát triển gồm*: (i) Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; đầu tư hoàn thiện các khu, cụm công nghiệp phía Nam và phía Bắc của tỉnh theo hướng xanh, hiện đại; (ii) phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo chuỗi giá trị, chất lượng cao, xanh, sinh thái, tuần hoàn; (iii) xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm du lịch của cả nước với các sản phẩm đặc sắc, chất lượng cao; (iv) hoàn thiện hệ thống cửa khẩu thông minh, khu hợp tác kinh tế qua biên giới đa ngành, trung tâm thương mại, logistics, tài chính, du lịch, trở thành trung tâm giao thương kinh tế của Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc.

Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới, trong đó chú trọng đến đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; gia tăng tỉ trọng kinh tế số thông qua tăng tỉ trọng thương mại điện tử trên tổng mức bán lẻ hàng hóa, kích cầu tiêu dùng số, tăng cường chuyển đổi số trong doanh nghiệp và tăng chi tiêu của chính quyền về chuyển đổi số theo đúng yêu cầu Nghị quyết số 57-NQ/TW; nghiên cứu kêu gọi đầu tư xây dựng các Trung tâm dữ liệu theo hình thức phân tán sử dụng năng lượng tái tạo. Tăng cường hợp tác vùng, liên vùng và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, thu hút đầu tư, huy động hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, khẳng định vai trò trụ cột quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng chế biến sâu các sản phẩm và mở rộng, phát triển nhóm ngành công nghiệp sau luyện kim, hoá chất, phân bón gắn với chiến lược khai thác, sử dụng hiệu quả các loại khoáng sản quan trọng như apatit, đồng, sắt, đá, đất hiếm, graphit, đá quý, đá trắng đặc biệt là phải hình thành chuỗi sản xuất công nghiệp luyện kim - hóa chất phục vụ cho các dự án trọng điểm quốc gia. Tiếp tục phát triển các khu, cụm công nghiệp khu vực phía Bắc, từng bước chuyển đổi khu công nghiệp Tăng Loong thành khu công nghiệp xanh; quy hoạch, mở rộng, đầu tư khu công nghiệp phía Nam đồng bộ, hiện đại, phấn đấu đến năm 2030 có thêm 2.000 ha đất công nghiệp, cụm công nghiệp. Ưu tiên thu hút phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, các ngành công nghiệp có khả năng tạo việc làm cho nhiều lao động. Có cơ chế khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư, chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là đầu tư đưa vào khai thác khu hồ Thác Bà, Sông Hồng, điện sinh khối, các dự án thủy điện đã có trong quy hoạch. Hoàn thiện hạ tầng năng lượng kết nối với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Quan tâm khôi phục, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống (lụa tơ tằm, chế biến thủ công, dệt thổ cẩm...) gắn với phát triển du lịch.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ, đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam, Trung Quốc. Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm giao thương kinh tế của khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc, hạt nhân là Khu hợp tác kinh tế qua biên giới trên địa bàn các phường Lào Cai và xã Bát Xát với chức năng đa ngành,

trung tâm thương mại, tài chính, logistics, du lịch. Hoàn thành cửa khẩu thông minh tại Cửa khẩu quốc tế Kim Thành - Bắc Sơn và Bản Vược - Bá Sái; nâng cấp các cửa khẩu phụ trở thành cửa khẩu quốc gia. Nghiên cứu xây dựng khu thương mại tự do thế hệ mới.

Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm logistics theo trục động lực dọc sông Hồng, phát triển đô thị, dịch vụ theo tuyến đường sắt tốc độ cao (TOD). Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; phát triển các loại hình dịch vụ bao gồm: dịch vụ logistics, giám định hàng hóa, bảo hiểm, ngân hàng, hỗ trợ phát triển thị trường,... Xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế, là đầu mối xuất, nhập khẩu, tập kết, trung chuyển, phân phối, vận chuyển hàng hóa, du lịch, dịch vụ giữa Việt Nam và các nước Asean với vùng Tây Nam - Trung Quốc. Thúc đẩy các hình thức tổ chức kinh doanh theo dạng chuỗi, chợ du lịch, kinh tế đêm,... Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh thương mại gắn với phát triển thương mại điện tử trong nước và quốc tế.

Phát triển đa dạng các loại hình và phương thức thương mại, dịch vụ. Tiếp tục củng cố và mở rộng các loại hình thương mại, dịch vụ truyền thống gắn với nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân; khuyến khích phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo hướng văn minh, hiện đại. Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thương mại biên giới, các khu thương mại, trung tâm logistics trong Khu kinh tế cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại biên mậu và dịch vụ kho vận.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đột phá. Xây dựng Lào Cai thành trung tâm du lịch bốn mùa của cả nước, hướng đến mang tầm quốc tế với các sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và bản sắc văn hóa các dân tộc, chất lượng cao, an toàn, đồng bộ hạ tầng du lịch, là điểm đến hấp dẫn, thân thiện và an toàn gắn với hình ảnh chủ đạo “Lào Cai - nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc”, là trung tâm lưu trú và phân phối khách du lịch của Vùng. Xây dựng hình ảnh đất và người Lào Cai thân thiện, mến khách; có chính sách để người dân, cộng đồng và doanh nghiệp được cùng hưởng lợi từ du lịch; thúc đẩy nhanh áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, phát triển du lịch; phát huy lợi thế tinh biên giới để xây dựng các sản phẩm du lịch qua biên giới gắn với khai thác tốt khách du lịch từ thị trường trong nước, quốc tế và Trung Quốc. Phát triển du lịch Lào Cai xanh, bền vững với các sản phẩm du lịch đa dạng như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch trên sông Hồng, thể thao mạo hiểm, du lịch văn hóa tâm

linh và du lịch cộng đồng, khai thác có hiệu quả cảnh quan thiên nhiên các đỉnh núi dọc dãy Hoàng Liên. Phát huy vai trò cầu nối, liên kết thúc đẩy du lịch trong nước và quốc tế, du lịch qua biên giới, du lịch theo “con đường di sản Tây Bắc”. Phát triển Khu du lịch quốc gia Sa Pa mang tầm quốc tế, xây dựng các khu du lịch Hồ Thác Bà, Bắc Hà, Y Tý, danh thắng ruộng bậc thang Mù Cang Chải mang tầm quốc gia; các khu du lịch thuộc khu vực Nghĩa Lộ, Suối Giàng, Tú Lệ thành trọng điểm của Vùng; khu vực Trạm Tấu, Hạnh Phúc thành trọng điểm của Tỉnh; xây dựng các khu du lịch cộng đồng Nghĩa Đô, Tả Phìn, Choán Thèn,... đạt tiêu chuẩn ASEAN.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, chuỗi giá trị cao; xây dựng nông thôn mới văn minh, đáng sống. Phát triển nông nghiệp, nông thôn với ba yếu tố chủ đạo là nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung tại khu vực phía Đông của tỉnh với sản phẩm nông nghiệp chủ lực phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng như chè, quế, chuối, dưa, dâu tằm, thủy sản..., phát triển dược liệu và các sản phẩm đặc hữu tại khu vực phía Tây của tỉnh gắn với truy xuất nguồn gốc. Ban hành chính sách ưu đãi để thu hút doanh nghiệp chế biến sâu như chính sách về đất đai, hạ tầng, vốn, khoa học kỹ thuật, thương mại điện tử,... để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Thiết kế, khuyến khích hợp tác 4 nhà: Nhà nước - doanh nghiệp - nhà nông - nhà khoa học trong liên kết sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sản phẩm nông nghiệp đặc hữu gắn với du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 5%/năm.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỉ trọng lâm nghiệp và chăn nuôi. *Phát triển ngành chăn nuôi* theo hướng hình thành các vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung (lợn, đại gia súc, gia cầm) theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các trung tâm, cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. *Phát triển thủy sản* tập trung, thâm canh, bán thâm canh các loại thủy sản đặc sản, có giá trị cao (cá hồi, cá tầm, cá lăng, ba ba...) gắn với chế biến sâu. *Phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu*, nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng; mở rộng diện tích rừng trồng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; thí điểm thành lập trung tâm nghiên cứu để hình thành thị trường tín chỉ các-bon; thực hiện có hiệu quả chính sách thuê dịch vụ môi

trường rừng để phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ. Hoàn thành công tác quy chủ rừng cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng nông thôn mới văn minh, bản sắc, hạ tầng đồng bộ, môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp; phát huy vai trò chủ thể, động lực, nguồn lực của người dân, kết hợp với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2030 thu nhập của người dân nông thôn tăng khoảng 30% so với năm 2025.

Phát triển hệ thống tài chính, ngân hàng theo hướng đa dạng hoá các loại hình dịch vụ; hiện đại hoá cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ, tạo đột phá cho sự phát triển và hoàn thiện thị trường tài chính, tín dụng; thu hút các ngân hàng lớn trong và ngoài nước, công ty tài chính, bảo hiểm, các công ty chứng khoán thành lập các chi nhánh tại tỉnh; từng bước xây dựng tỉnh Lào Cai thành trung tâm dịch vụ, thương mại, tổ chức sự kiện của khu vực và quốc tế. Nghiên cứu triển khai xây dựng một số loại hình tổ chức tài chính khu vực và quốc tế tại Lào Cai.

Cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đầu tư công chất lượng, hiệu quả. Quản lý, mở rộng và nuôi dưỡng nguồn thu bền vững, phù hợp với tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu, tỉ lệ điều tiết các nguồn thu giữa các cấp ngân sách hợp lý, nâng cao trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong quản lý ngân sách. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm chi hành chính, tăng chi đầu tư phát triển. Đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công gắn với khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia cung ứng dịch vụ công của các thành phần kinh tế. Cơ cấu đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng trung tâm hành chính các cấp, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, giao thông kết nối, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội các vùng đặc biệt khó khăn.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp; tạo điều kiện phát triển đồng bộ, chất lượng các thành phần kinh tế; đưa kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Triển khai hiệu quả chiến lược thu hút đầu tư với phương châm “Doanh nghiệp phát tài, Lào Cai phát triển” và tinh thần “Lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”. Tập trung thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về vốn, quản trị tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường dẫn dắt phát triển các ngành, lĩnh vực, các khu vực kinh tế trọng điểm theo định hướng của tỉnh để tạo lực kéo cho Vùng. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, thu hút đầu tư tư nhân vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết

yếu theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Nghiên cứu đề xuất xây dựng trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp cấp vùng tại Lào Cai.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng để phát triển nhanh, chất lượng các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân. Khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong toàn dân, trọng tâm là học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp tư nhân theo Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị theo hướng tập trung vào sản xuất, chế biến, chế tạo, thương mại, dịch vụ tạo giá trị gia tăng. Chú trọng phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác; chuyển đổi hợp tác xã sang doanh nghiệp; chuyển đổi hộ kinh doanh sang doanh nghiệp, huy động nguồn lực trong Nhân dân tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh; củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn. Có chính sách đặc thù, nới rộng hỗ trợ, tạo điều kiện để hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, đất đai, công nghệ, kỹ thuật, kết nối, hợp tác theo chuỗi giá trị phù hợp với xu thế phát triển, góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.

(4) Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hạ tầng không gian phát triển mới, kết nối các vùng, liên vùng, các cực tăng trưởng trong và ngoài tỉnh. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh phù hợp với mô hình quản trị mới, gắn với bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ngập, úng đô thị; lấy phát triển đô thị làm động lực dẫn dắt phát triển, hỗ trợ nguồn lực cho vùng nông thôn. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng với các tỉnh lân cận, các tỉnh dọc trục đường sắt tốc độ cao, tạo không gian phát triển rộng lớn cho Lào Cai. Quy hoạch, xây dựng các đô thị theo Trục kinh tế động lực dọc sông Hồng thành chuỗi đô thị kết nối, phụ trợ, phát triển đô thị sân bay, đô thị ga đường sắt (TOD); xây dựng các đầu mối giao thông lớn như Cảng hàng không Sa Pa, các ga đường sắt tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các bến xe liên tỉnh trở thành hạt nhân để phát triển các khu đô thị đa chức năng, giảm phụ thuộc vào phương tiện cá nhân. Đầu tư các đô thị lớn thành đô thị thông minh. Quan tâm hạ tầng khu dân cư ở miền núi thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên thu hút các nhà đầu tư phát triển khu đô thị, hoàn thành trên 8.000 căn hộ nhà ở xã hội; công trình nước sạch đáp ứng quy chuẩn; phát triển đô thị gắn với kinh tế dịch vụ, kinh tế đêm, kinh tế “đầu bạc”, kinh tế du lịch, thể thao và phát triển dịch vụ xã hội tại các đô thị nhỏ. Lựa chọn mô hình, quy hoạch, xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển vận tải đa phương thức, đồng bộ với các tỉnh trong vùng và hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Hoàn thành Cảng hàng không Sa Pa; phối hợp hoàn thành tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nâng cấp hoàn chỉnh cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo quy mô 4 làn xe trong năm 2026. Hoàn thành tuyến kết nối theo trục kinh tế động lực và hệ thống cầu qua sông Hồng, cầu qua biên giới; xây dựng các tuyến kết nối ngang, kết nối đường cao tốc, sân bay, ga đường sắt đến khu kinh tế cửa khẩu, các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch trọng điểm và các khu vực có tiềm năng phát triển. Cơ bản hoàn thành cải tạo, nâng cấp hệ thống quốc lộ, đường tỉnh theo quy hoạch và đầu tư nâng cấp kỹ thuật, kết nối các tuyến đường trục xã, liên xã; hoàn thành kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hệ thống bến xe khách, xe bus, cảng cạn làm đầu mối kết nối các phương thức vận tải. Hình thành, khai thác tuyến đường thủy nội địa trên Sông Hồng, Sông Chảy.

Xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại, trung tâm logistics, các kho, tổng kho tập kết, trung chuyển hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và thương mại điện tử qua biên giới phát triển. Xây dựng Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế tại khu Cửa khẩu quốc tế Kim Thành, hệ thống chợ đầu mối tại khu vực sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn.

Tập trung đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an ninh, an toàn. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, internet hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, hoàn thành 100% số thôn có mạng cáp quang băng thông rộng, mạng thông tin di động đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, điều hành của hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số, hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu điện toán đám mây, kết nối liên thông với các trung tâm dữ liệu vùng và quốc gia; xây dựng, phát huy hiệu quả nền tảng số, dữ liệu số, hình thành nguồn tài nguyên, tư liệu sản xuất mới.

(5) Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá, con người Lào Cai trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị gia đình Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hoá giai đoạn 2025 - 2035. Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, xây dựng môi trường văn hóa công sở đoàn kết, dân chủ, khát vọng cống hiến. Khuyến khích phát triển văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc Lào Cai, di sản văn hóa phi vật thể; đầu tư bảo tồn, tôn tạo di tích, danh lam thắng cảnh,

hoàn chỉnh hệ thống bảo tàng, các tượng đài, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch. Quan tâm toàn diện công tác gia đình, tập trung cơ bản giải quyết xong những vấn đề về sinh con trước 18 tuổi, tảo hôn.

Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc tạo nên những giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao. Từng bước xây dựng ngành công nghiệp văn hóa với các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng, đa dạng. Nâng cao hiệu quả, công năng sử dụng các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các tầng lớp Nhân dân. Coi trọng chất lượng, hiệu quả thực chất của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa; hợp tác và quảng bá bản sắc văn hóa đa dạng, sống thân thiện, nghĩa tình của con người Lào Cai.

Xây dựng các công trình văn hóa, thể thao mang tính biểu tượng của Lào Cai, đủ điều kiện tổ chức các sự kiện quy mô quốc gia và quốc tế. Phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng thể dục, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Quan tâm phát triển thể dục, thể thao trong nhà trường, thể thao thành tích cao và thể dục, thể thao quần chúng; xây dựng lực lượng vận động viên để phát triển các môn thể thao thế mạnh của tỉnh, các môn thể thao nằm trong chương trình thi đấu khu vực, quốc gia và quốc tế. Phát triển không gian công cộng, tập trung xây dựng mạng lưới các công viên trong đô thị, nhà văn hóa ở thôn, tổ dân phố.

Phát triển báo chí, truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại, từng bước phát triển kinh tế báo chí. Xây dựng mô hình cơ quan báo chí - công nghệ, gắn kết chặt chẽ giữa các loại hình báo chí truyền thống với các loại hình, phương tiện truyền thông mới, trên nền tảng số, hệ sinh thái số; mở rộng hợp tác với các cơ quan báo chí trong nước và nước ngoài. Phát huy vai trò, thế mạnh, đưa thông tin cơ sở trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị.

(6) Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, nguồn nhân lực, chất lượng việc làm cho người lao động; quản lý hiệu quả xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Đổi mới căn bản, toàn diện, thực chất giáo dục và đào tạo. Triển khai hiệu quả Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học theo hướng tích hợp, mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại kết hợp với trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật, tăng cường hoạt động thể dục, thể thao nhằm phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất người học; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở khu vực đô thị, tiếng Trung

được giảng dạy trong trường học tại các xã, phường biên giới. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục, cơ bản kiên cố hóa xong mạng lưới trường, lớp học, nhất là trường nội trú, bán trú cho con em các dân tộc thiểu số ở các cấp học, xây dựng và hoàn thành 100% trường nội trú liên cấp các xã biên giới, xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện cho giáo viên ở xa đến công tác. Hoàn thành chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đáp ứng yêu cầu mới; giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên, nhất ở vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo trẻ 3 tuổi, giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; thực hiện học 2 buổi/ngày. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập suốt đời; có ít nhất 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt tới cấp trung học phổ thông; xây dựng và hình thành các trường trọng điểm chất lượng. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở, các trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời. Phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo từ quản lý đến giảng dạy và học tập. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực logistics, thương mại, du lịch, công nghiệp chế biến, nông nghiệp hàng hoá. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, tạo việc làm cho người lao động; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động. Tăng cường giao dịch việc làm trực tuyến, kết nối cung - cầu lao động với các tập đoàn, doanh nghiệp, các khu công nghiệp lớn trên địa bàn cả nước và hợp tác xuất khẩu lao động. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả nhằm tăng dân số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, mở rộng ngành, nghề đào tạo, đặc biệt là các ngành, nghề mới nổi. Tiếp tục hỗ trợ Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai phát triển, mở rộng quy mô; thu hút, phát triển mới cơ sở giáo dục đại học tại tỉnh; đến năm 2030, Trường Cao đẳng Lào Cai, Trường Cao đẳng nghề Yên Bái trở thành cơ sở đào tạo nghề hiện đại hàng đầu khu vực, tiến tới xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm đào tạo của Vùng

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ cho Nhân dân. Triển khai hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân; Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị y tế, nhất là hệ thống y tế cơ sở, nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ y tế, chú trọng đào tạo bác sĩ có trình độ chuyên môn cao, tăng cường bác sĩ về cơ sở, đến năm 2027 có tối thiểu 4-5 bác sĩ/trạm y tế, duy trì đội ngũ nhân viên y tế thôn, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số theo chức năng, nhiệm vụ. Trong giai đoạn 2025 - 2030, mỗi năm thực hiện luân phiên, luân chuyển, điều động ít nhất 1.000 lượt bác sĩ về làm việc có thời hạn tại trạm y tế cấp xã. Phát triển cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Có ít nhất 01 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần, được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời. Đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình. Hoàn thành chuyển đổi số toàn diện ngành Y tế. Làm tốt công tác y tế dự phòng, kịp thời xử lý các tình huống dịch bệnh. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng dân số và tuổi thọ trung bình của người dân, thực hiện mục tiêu dân số và phát triển, phấn đấu chỉ số HDI tiệm cận với mức trung bình chung toàn quốc, góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

Quản lý, phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt mô hình, cơ chế chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát quản lý phát triển xã hội theo hướng minh bạch, kiến tạo, phục vụ. Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông công lập và miễn viện phí cho toàn dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập quốc tế.

Tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho giảm nghèo, phấn đấu tỉ lệ hộ nghèo giảm từ 2,5%/năm - 3%/năm. Tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo; thực hiện tốt chính sách cho người có công và gia đình người có công, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Nâng cao tỉ lệ lao động, người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho trẻ em. Phát triển và quản lý hiệu quả các cơ sở trợ giúp xã hội, hệ thống dịch vụ cai nghiện ma túy. Xây dựng thí điểm mô hình “Xã xã hội chủ nghĩa” tại địa bàn đô thị và nông thôn.

Chăm lo phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, di dời, bố trí 100%

số hộ đang cư trú tại các vùng xung yếu, có nguy cơ rủi ro cao do tác động của biến đổi khí hậu đến nơi an toàn. Hoàn thành 100% thôn có điện lưới quốc gia. Triển khai hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc gắn với mục tiêu “Giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường”.

(7) Tạo bước đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng phát triển khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, làm đến đâu được đến đó, là động lực chính để thay đổi tư duy, tầm nhìn, hành động để bứt phá phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho Nhân dân. Thực hiện cơ cấu lại Trung tâm giống nông nghiệp, Trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động và mức độ tự chủ. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ gắn với các ngành kinh tế trụ cột, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực, đầu tư có tính đột phá cho 4 trụ cột kinh tế; phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, đưa khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ, gắn kết với hoạt động khoa học - công nghệ và khởi nghiệp. Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp Lào Cai; phát triển các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở nghiên cứu và người dân tham gia đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng những ý tưởng, mô hình, cách làm sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, quản trị, giáo dục, văn hóa - xã hội. Tạo cơ chế, chính sách khuyến khích trí thức, nhà khoa học, doanh nhân trẻ phát huy năng lực sáng tạo, đóng góp cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

Thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp. Phát triển chính quyền số, nâng cao năng lực quản trị số; có lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung; phát triển, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý

công, phát triển dịch vụ đô thị thông minh. Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, phần đầu tỉ lệ đạt trên 80%. Phát triển nhân lực số, thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh, an toàn dữ liệu cho người dân và trong hệ thống chính trị. Phát triển các thành phần kinh tế số; thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư tại tỉnh. Phát triển xã hội số, công dân số, “người bản số”, phổ cập “bình dân học vụ số” để nâng cao năng lực số trong xã hội.

(8) Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh; tạo bước chuyển biến tích cực trong quản lý thống nhất, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực tài nguyên đất, khoáng sản, nước. Hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống hồ sơ địa chính được số hóa; chuyển các hoạt động đăng ký, giao dịch trong lĩnh vực đất đai sang giao dịch điện tử. Cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình khu vực nông thôn. Khai thác có hiệu quả quỹ đất công, tài sản công trên đất; sắp xếp, xử lý có hiệu quả tài sản công khi triển khai chính quyền địa phương hai cấp. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông lâm trường quốc doanh. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tăng cường công tác điều tra, nghiên cứu, đánh giá, dự báo, quan trắc chất lượng, số lượng trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước. Đẩy mạnh công tác thăm dò, quản lý, khai thác và sử dụng chặt chẽ, hiệu quả các loại khoáng sản, đặc biệt là đất hiếm, gắn với chế biến sâu, công nghệ tiên tiến và bảo vệ môi trường, nâng cao hệ số thu hồi, chất lượng và giá trị sản phẩm.

Tiếp tục giải quyết hài hòa vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quan trắc môi trường, giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh, nhất là những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ hiện đại để thu gom, xử lý chất thải, tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, hạn chế tối đa việc xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo đảm điều kiện sống an toàn, lành mạnh. Quản lý, khai thác hiệu quả các khu bảo tồn sinh thái. Bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, phát huy giá trị đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen, bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Tăng cường năng lực dự báo, triển khai đồng bộ các giải pháp chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là những vùng có nguy cơ sạt lở, ngập lụt, lũ quét,... gắn với công tác sắp xếp và ổn định dân cư. Đầu tư, nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo sớm, đánh giá rủi ro và lập bản đồ các môi, khu vực nguy hiểm. Tiếp tục đầu tư kè sông, suối, chống sạt lở đất; bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện, an ninh nguồn nước. Chủ động hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

(9) Tăng cường quốc phòng - an ninh; bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế sâu rộng. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng và bảo đảm an ninh; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng theo quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Tăng cường tiềm lực và thể trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, Biên phòng toàn dân và “thể trận lòng dân” vững chắc. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chiến lược quốc phòng của Đảng, trọng tâm là Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh về tiềm lực, lực lượng, thể trận; xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân tinh, gọn, mạnh, trong sạch, vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chủ động nắm chắc, phân tích, dự báo tình hình, xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động bất ngờ; giữ vững chủ quyền biên giới và an ninh chính trị.

Triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu; củng cố lực lượng bảo vệ an ninh cơ sở; nâng cao cảnh giác, phát huy trách nhiệm của toàn dân; chủ động xử lý hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tập trung bảo đảm an ninh số, an ninh dữ liệu, an ninh hạ tầng, an ninh truyền dẫn,... đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh mới. Thực hiện quản lý xã hội theo hướng dứt khoát khắc phục tư duy “không quản được thì cấm”, chủ động rà soát, tháo gỡ điểm nghẽn, cải cách thủ tục hành chính, mở rộng không gian phát triển, gắn với chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong quản lý xuất nhập cảnh. Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, triệt xóa tệ nạn xã hội, xây dựng xã hội an toàn, kỷ cương, lành mạnh. Xây dựng, hoàn thiện các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trên các lĩnh vực, tuyến, địa bàn trọng điểm. Quan tâm xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an

ninh, quản lý, bảo vệ biên giới; nâng cao hiệu quả phối hợp và giám sát hợp tác quốc tế, bảo đảm hội nhập gắn với giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Kết hợp chặt chẽ ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Duy trì và phát huy hiệu quả các mối quan hệ vốn có, đặc biệt là với địa phương nước láng giềng; mở rộng xây dựng các quan hệ hữu nghị với các địa phương, cơ quan ngoại giao các nước, các tổ chức đa phương. Ngoại giao tập trung trên các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, môi trường, khoa học công nghệ, thông tin,... Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quan điểm hội nhập quốc tế trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị, gia tăng và phát huy tối đa nội lực để thúc đẩy hội nhập kinh tế là trung tâm. Xây dựng Lào Cai trở thành địa bàn quan trọng về đối ngoại, hội nhập, hợp tác và giao lưu văn hoá, kinh tế quốc tế, quốc phòng của vùng và cả nước; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

(10) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đoàn kết toàn dân, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, nguồn lực to lớn phục vụ sự nghiệp phát triển và hội nhập. Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm “dân là gốc” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; chú trọng vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách; khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân. Hình thành một số mô hình “tự quản - tự chủ - tự giám sát” ở cộng đồng dân cư.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích, bảo đảm công bằng, bình đẳng của người dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển; nêu cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng với quốc gia - dân tộc. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, sức mạnh nội sinh, niềm tự hào dân tộc và khát vọng vươn lên trong kỷ nguyên mới, gắn với phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Động viên, phát huy sức mạnh, nguồn lực và sức sáng tạo trong Nhân dân; tạo môi trường để đội ngũ trí thức, nhà khoa học, đội ngũ doanh nhân phát huy trí tuệ, hăng hái cống hiến cho sự phát triển của tỉnh.

Bảo đảm các dân tộc trên địa bàn tỉnh sinh sống bình đẳng, đoàn kết, hỗ trợ cùng phát triển. Thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo bền vững. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân; tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo hoạt động bình đẳng theo quy định của pháp luật. Khuyến khích phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của tỉnh.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thể hiện ý chí và khát vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đồng hành cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên giàu mạnh, văn minh và thịnh vượng của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, truyền thống đoàn kết, kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, phát huy lợi thế, Đảng bộ tỉnh Lào Cai quyết tâm ***“Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế quốc tế, phát triển theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”***.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban đảng Trung ương,
Văn phòng Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Quân khu II,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu,
giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chuyên viên tổng hợp - VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Hoàng Giang



BIỂU I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2020-2025,
MỤC TIÊU NHIỆM KỲ 2025-2030
(Kèm theo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025			Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025				So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết				Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030		
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó					Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Lũy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ		Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		Mục tiêu đến năm 2030	Giai đoạn 2030
				Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai					Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai		Yên Bái	Lào Cai		Yên Bái	Lào Cai		
1	Tỷ lệ đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	90	90	85	90	85	90	96,15 ¹	100		106,6	117,6	90	90				
2	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	90	90	85	90	85	90	95,04	95,03		105,6	111,8	90	90				
3	Kết nạp đảng viên	Đảng viên		9.000		9.000			3.651	8.639 ³	9.214 ⁴		9000		2.975-3.570	14.875 - 17.850			
-	Tỷ lệ kết nạp đảng viên/Tổng số đảng viên	%		3,13		Không xác định cụ thể			3,13 ⁵	3,01	3,77		3,13		2,5-3	2,5-3			

¹ Năm 2022 có 02 đảng bộ Hoàn thành nhiệm vụ
² Tỉnh đến 01/9/2025
³ Tỉnh đến hết ngày 30/6/2025
⁴ Tỉnh đến hết ngày 30/6/2025
⁵ Tỷ lệ tính trên chỉ tiêu của Tỉnh Yên Bái cũ
⁶ So với số đảng viên đầu nhiệm kỳ của 02 tỉnh đến 31/8/2025.



BIỂU II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2020-2025,
MỤC TIÊU NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Báo cáo công tác Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025		Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025				So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết			Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030		
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó				Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó							
												Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	Yên Bái		Lào Cai	
I CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ																	
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế {GRDP}	%	7,33	5,23	8,02	>7,5	>10	7,39	8,50	6,92	7,69	6,40	Không đạt	≥10			
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	55,10	39,9	71,98	>65,0	126	85,10	85,10	85,00	62,00	100,50	Không đạt	136			
2	Cơ cấu GRDP																
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	19,0	24,6	15,6	19,5	10,5	15,5	16,00	16,00	21,04	12,27	Không đạt	12,4			
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	34,9	28,4	39,0	31,0	45,0	38,3	37,32	37,32	33,75	40,64	Không đạt	43,5			
-	Dịch vụ	%	38,3	42,4	35,8	46,5	44,5	39,0	39,16	39,16	41,14	37,83	Không đạt	37,5			
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,8	4,6	9,6	3,0		7,3	7,52	7,52	4,07	9,27	Không đạt	6,6			
3	Thu nhập BQ đầu người	Triệu đồng	29,7	30,26	29,16		72	47	47	47	48	46	Không đạt	70			
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%						6,97						20			
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	162.954	60.648	102.306	100.000	260.000	359.660	86.000	361.396	101.596	259.800	Vượt chỉ tiêu	>500.000			
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	12.766	3.594	9.172	>7.000	15.500	22.500	21.000	21.000	5.500	15.500	Không đạt	>32.000			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025		Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025			So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết			Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030		
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó				Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Lũy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ		Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		Mục tiêu đến năm 2030	Giai đoạn 2030	
				Tỉnh Yên Bái					Tỉnh Lào Cai	Tỉnh Yên Bái		Tỉnh Lào Cai	Yên Bái			Lào Cai
7	Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	72	63	81	100		82	82,0	72,0	92,3	Chưa có cơ sở so sánh				
8	Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn (giá ss 2010)	Tỷ đồng	50.051	13.000	37.050,8	60.000	80.000	75.000	75.000	22.900	52.100	Không đạt				
9	Chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân/năm	%						8,2						12		
10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	44.828	18.971	25.857	50.000	80.000	85.000	85.000	34.500	50.500	Vượt chỉ tiêu		Đạt		
	Tổng giá trị XNK qua địa bàn tỉnh	Triệu USD	3.413	180	3.233,4	9.000	9.500	4.000	4.000	520	3.480	Vượt chỉ tiêu		Đạt	10.000	
11	Tổng lượng khách du lịch	1000 lượt người	5.100		5.100	10.000	10.255	10.255	10.255	2.255	10.000	Đạt		Đạt	15.000	
	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	19.400		19.400	44.500	46.455	46.455	46.455	1.955	44.500	Đạt		Đạt	70.000	
12	Tỷ lệ đô thị hóa	%	23,1	20,19	26	35	30,5	31,5	31,5	26,0	37,0	Vượt chỉ tiêu		Vượt chỉ tiêu	38	
	Tổng số xã hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới	Xã	132	75	57	76	193	187	186,0	112,0	65,0	Chưa có cơ sở so sánh			15	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (*)	%	47,4	50,0	44,9	60	71	67,6	68,4	83,6	51,6	Chưa có cơ sở so sánh			62,8	
13	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	4	4				51	51,0	44,0	7,0	Chưa có cơ sở so sánh			55	
	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	2	2				19	19,0	16,0	3,0	Chưa có cơ sở so sánh				
	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	8	5	3	2	5	7	7,0	5,0	2,0	Vượt chỉ tiêu		Đạt		
14	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	97,39	97,98	96,80	98	98,5	98,50	98,5	99,0	98,0	Đạt		Đạt	100	
	Tổng số lượng doanh nghiệp	DN						12.456							18.000	
15	Trong đó: tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động	%						55,8							60,0	
	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP	%						70,0							72,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025			Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025			So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết			Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030	
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó					Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Lũy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ	Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết		
				Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai							Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Yên Bái			Lào Cai
16	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân/năm	%	5,85	5,67	6,03	6,2			7,48	7,48	7,16	7,80	Chưa có cơ sở so sánh		>6,5	
II CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI																
1	Tuổi thọ trung bình người dân	Tuổi	71,38	73,50	69,26	74,50	74,00	73,30	72,00	72,00	72,25	71,71	Đạt	Đạt	Không đạt	75,5
	Số năm sống khỏe	Năm	-	-	-	68	-	-			>68,0		Đạt	Đạt		68
2	Chỉ số hạnh phúc của người dân	%	-	-	-	68,3	152	319	68,3	68,3	68,3		Đạt	Đạt		72
	Số xã, phường, thị trấn duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở	Xã, phường, thị trấn	320	168	152	167	152	319	319	319	168	151	Đạt	Đạt		
3	Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	58,90	55,30	62,50	>70,0	68,00	69,00	75,60	75,60	80,05	72,00	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	85
	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương	%			66,50		80									
4	Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	%							68							75
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mẫu giáo cho trẻ 3 tuổi															Đạt chuẩn
5	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	38,10	33,30	42,90	35	45	41,1	41,1	38,1	35,7	46,5	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	45
	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	11,40	10,20	12,60	12,0	15,0	12,8	12,8	12,8	12,0	15,0	Đạt	Đạt	Đạt	15,5
	Đến năm 2027, trạm y tế có tối thiểu	Bác sỹ														4-5
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể cân nặng/tuổi)	%	16,75	16,10	17,40		13,0	13,0	13,0	13,0	13,1	12,8	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể chiều cao/tuổi)	%	28,40	24,70	32,10		26,7		22,5	22,5	21,0	23,9	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025			Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025				So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết			Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030	
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó					Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Lũy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ							
				Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai					Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai		
6	Tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	X, ph, tt	282	130,00	152,00	156	152	308	315	168	147	Không đạt	Đạt	Không đạt			
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	87,57	75,14	100,00	>90,0	>90,1	>90,2	98,7	100,0	97,4	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu			
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,10	1,04	1,16	-	1,2	-	1,2	1,2	1,2	Đạt	Đạt	Đạt			
8	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	98,10	97,20	99,00	>96,50	98	97	96,5	>96,50	95,2	Không đạt	Đạt chỉ tiêu	Không đạt	100		
9	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân	%	3,89	4,52	3,26	>3,3	3-5	3,7	3-3,5	3,30	3-5	Đạt	Đạt	Đạt			
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	3,89	4,52	3,26	>3,3	3-5	3-5	2,68	3,47	4,48	Đạt	Đạt	Đạt		2,5-3,0%/năm	
	Tỷ lệ hộ nghèo còn lại(**)	%	7,62	7,04	8,20	4,77	7,30	6,04	5,71	4,18	7,24	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu			
10	Số lao động có việc làm tăng thêm trong năm	Người	162.915	96.945	65.970	97.500	61.000	158.500	30.000	110.339	70.601	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu			
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60,45	60,8	60,1	>70,0	70,0	65,0	65,1	65,4	64,7	Đạt	Đạt	Đạt	75		
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có cấp bằng, chứng chỉ	%	21,10	21,2	21,0	>40,0	36,0	36,0	25,30	25,90	24,80	Đạt	Đạt	Không đạt	36		
	Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp	%	57,80	59,9	55,7	<52	55,3	<52	50,00	50,12	50,00	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	42		
	Tỷ lệ thất nghiệp	%	1,18	0,73	1,62		1,2	1,2			1,2	100		100			
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	82	80	83	85,0	86,0	85,5	85,5	85,0	86,0	Đạt	Đạt	Đạt			
11	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	70,8	67	75	75,0	80,0	77,5	77,5	75,0	80,0	Đạt	Đạt	Đạt			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025			Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025			So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết			Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030		
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó					Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Lũy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ		Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		Mục tiêu đến năm 2030	Giai đoạn 2030
				Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai						Yên Bái	Lào Cai		Yên Bái	Lào Cai		
12	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%								2,68					50		
13	Tỷ lệ phủ sóng 5G									40							
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG																
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	59,67	63,00	56,07	65,0	60,0	62,6	61,5	63,0	60,0	Chưa đạt	Không đạt	Đạt	60		
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%								90					95		
3	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý	%								100					100		
4	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%								82					90		
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.	%								100,0					100,0		
6	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%								37,09					98,00		
7	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%								22,00					25,00		
8	Tỷ lệ thu gom rác thải tại các đô thị	%	89,00	82,00	95,00	>93	95,0	94,0	95,3	94,5	96,0	Vượt chỉ tiêu	Không đạt	Vượt chỉ tiêu			
9	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý	%	46,00	18,00	75,00	>50,0	80,0	65,0	75,5	66,0	85,0	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu			
10	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,00	91,00	95,00	98,0	97,0	97,5	97,5	98,0	97,0	Đạt	Đạt	Đạt			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025			Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025				So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết				Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030			
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó					Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Lũy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ			Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Yên Bái		Mục tiêu đến năm 2030	Giai đoạn 2030
				Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai					Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	Yên Bái		Lào Cai						
11	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	88	86	90	>91,0	95	93	93,0	>91,0	95,0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt					
12	Tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%	100		100		100,0				100,0	Đạt		Đạt						
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý	%	89	82	95	>93,0	95,0	94,0	95,3	94,5	96,0	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu						
14	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	57	54	60	100	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt	Đạt	Đạt	100					
IV	CHỈ TIÊU VỀ CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ																			
I	Tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	30	30	30		80,0		100,0	100,0	100,0	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	100					
	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh	%	10	10	10		50,0		70,0	70,0	70,0	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	Vượt chỉ tiêu	80					
V	CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH																			
I	Tỷ lệ các xã phường, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	%				>50	>80	>80			>80	Đạt	Đạt	Đạt						

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025			Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Yên Bái	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 tỉnh Lào Cai	Mục tiêu nhiệm kỳ 2020-2025 của 02 tỉnh sau hợp nhất	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025			So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu nghị quyết			Mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030		
			Tỉnh mới sau khi hợp nhất	Trong đó					Ước năm 2025 (hợp nhất 02 tỉnh)	Lấy kế thực hiện từ đầu nhiệm kỳ		Tỉnh Lào Cai (sau hợp nhất)	Trong đó		Mục tiêu đến năm 2030	Giai đoạn 2030	
				Tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai					Yên Bái	Lào Cai		Yên Bái	Lào Cai			
2	Tỷ lệ giải quyết các vụ án (thuộc chức năng của Tòa án nhân dân)	%					>90	>90			>90	Đạt	Đạt	Đạt	>90	>90	
	Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương)	%				>5	>5	>5			>5	Đạt	Đạt	Đạt	>5	>5	
	Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án	%				>75	>75	>75			>75	Đạt	Đạt	Đạt	>75	>75	
	Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%				>85	>85	>85			>85	Đạt	Đạt	Đạt	>85	>85	
3	Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định:																
	Cấp tỉnh	%					>95	>95			>95				>95		
	Cấp huyện	%					>90	>90			>90				>90		
	Cấp xã	%					>80	>80			>80				>80		